

Chính sách quản lý chợ của triều Nguyễn thế kỷ XIX

BÙI VĂN HUỲNH

Bài viết phân tích và đánh giá những chính sách của nhà Nguyễn trong việc quản lý chợ ở thế kỷ XIX gồm: chính sách quản lý việc xây dựng chợ, quản lý giá cả và hoạt động mua bán hàng hóa, quản lý thu thuế chợ và chính sách đối với các đơn vị đo lường, tiền tệ sử dụng trong chợ.

Từ khóa: chợ, chính sách quản lý chợ, triều Nguyễn, thế kỷ XIX, lịch sử kinh tế Việt Nam.

Triều Nguyễn được thành lập năm 1802 dựa trên thắng lợi của Nguyễn Ánh trong cuộc tranh chấp với nhà Tây Sơn. Sau khi lên ngôi, Nguyễn Ánh lấy niên hiệu là Gia Long. Công việc của một vương triều khi mới thành lập là xây dựng bộ máy nhà nước, định ra luật lệ phục vụ việc xây dựng đất nước và quản lý xã hội. Gia Long và các vị vua kế nhiệm đã kế thừa và bổ sung những chính sách quản lý đất nước mà các vương triều trước đã thực thi. Trong số những chính sách triều Nguyễn kế thừa và xây dựng có chính sách về quản lý hệ thống chợ.

1. Chính sách quản lý việc xây dựng chợ

Chợ là nơi diễn ra các hoạt động mua bán, trao đổi sản phẩm của nhân dân, bởi vậy, sự tồn tại và phát triển của hệ thống chợ có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân. Nhận thức được vai trò của chợ, các triều đại quân chủ Việt Nam đã có những chính sách về việc xây chợ, mở chợ từ khá sớm. Năm 1035, vua Lý Thái Tông đã cho mở chợ Tây Nhai ở Kinh thành Thăng Long¹. Đến thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) đã ban hành "Định lệ về chia mở chợ mới" vào năm 1477.

Dưới triều Nguyễn, hệ thống chợ đã khá phát triển ở hầu khắp các địa phương trong nước: sách Hoàng Việt nhất thống dư địa chí được biên soạn năm 1806 cho biết có tới 296 chợ lớn nhỏ nằm ven các con đường giao thông thủy, bộ trong cả nước². Theo ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn, giữa thế kỷ XIX, trên cả nước có đến 683 chợ, phố, quán buôn

bán, trong đó có gần 600 chợ lớn nhỏ³. Trên cơ sở hệ thống chợ ngày càng phát triển, triều Nguyễn đã kế thừa những chính sách mở chợ của nhà Lê trước đó và bổ sung thêm một số chính sách, quy định về việc lập chợ, mở chợ ở thế kỷ XIX.

Theo quy định mở chợ được ban hành trong sắc chỉ ngày mùng 6 tháng 10 năm Đinh Dậu (1477) của Lê Thánh Tông thì: "Sinh dân các huyện, châu, xã ở các xứ trong nước mỗi ngày một đông, nếu muốn mở thêm chợ mới để tiện mua bán thì quan phủ, huyện, châu phải khám xét thực tế, nếu quả tiện lợi cho dân thì làm bản tâu lên, theo tiện lợi mà họp chợ, không cứ là có ngạch cũ hay không"⁴. Quy tắc mở chợ mới dưới triều Lê được quy định trong Hồng Đức thiện chính thư là: "ở các dân gian, đã có dân thì có chợ, chợ là để giao thông hàng hóa trong thiên hạ, phát triển đạo mậu dịch để thỏa lòng người. Xã nào có chợ lập ra trước rồi, không được cấm đi rồi lại mở cái khác, để bế tắc đường thương mại một cách vô lý. Như làng nào mãi sau mới có lối buôn bán, khi đó

Bùi Văn Huỳnh, ThS., Viện Sử học.

1. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.257.

2. Số liệu được thống kê trong: Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2005.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.225-237.

4. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.469.

mới mở chợ, thì không được đối với chợ làng xung quanh lập trùng ngày phiên lớn; hay là đón trước ngày phiên ấy mà chặn mỗi hàng của lái buôn. Nếu muốn mở chợ mới, phải xem các chợ cũ rồi lập sau ngày phiên thì được”⁵. Những quy định này được triều đình nhà Lê duy trì trong suốt quá trình tồn tại đến cuối thế kỷ XVIII. Triều Nguyễn thành lập ở thế kỷ XIX, những quy định này vẫn được áp dụng trong việc quản lý chợ của Nhà nước.

Cùng với việc duy trì lệ lập chợ từ triều Lê, triều Nguyễn cũng có thêm những quy định lập chợ trong những trường hợp đặc biệt. Luật Gia Long (được ban hành năm 1816) có quy định về việc các sứ đoàn ngoại quốc mở chợ buôn bán tại Kinh thành Huế: “Phàm người nước ngoài đến triều cống mở chợ ở quán, hội đồng tại kinh đô trong 5 ngày, người mua bán ở các phố đưa hàng không cấm vào quán trao đổi ngang nhau, nhận nhuốm các loại vải lụa, có định kỳ hạn trao trả”⁶. Điều lệ trên cho thấy Nhà nước muốn kiểm soát việc mua bán, trao đổi giữa người dân với các sứ thần nước ngoài, tránh việc mua bán những vật cấm, những hoạt động gian dối trong việc mua bán này. Quy định về việc mở chợ của các sứ đoàn chỉ được diễn ra trong 5 ngày cũng phản ánh triều Nguyễn theo dõi khá chặt chẽ hoạt động của các sứ đoàn ngoại quốc, để phòng những nhòm ngó và ý đồ chính trị của họ.

Chợ ở các địa phương được nhiều đối tượng khác nhau tổ chức xây dựng: có chợ được chính quyền bỏ tiền ra xây dựng, cũng có những chợ tự phát được một người hay một nhóm người tự bỏ tiền ra xây dựng. Luật Gia Long không có điều khoản quy định cụ thể về đối tượng lập chợ. Tuy nhiên, Nhà nước cũng có những sắc lệnh cho xây dựng chợ. Năm 1837, Minh Mạng “sai Thự thống chế Hữu dục quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo coi đem biển bình làm nhà ở chợ Gia Hội lợp bằng ngói (89 gian), mặt trước chợ ra đến sông làm một cái đình gọi là đình Quy Giả, đình làm 2 tầng, lại từ phía Bắc cầu Gia Hội đến chỗ ngang với góc dài Trấn Bình làm lên phố dài gọi là phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội”⁷.

Đến cuối thế kỷ XIX, triều đình cũng cho phép tư nhân đứng ra xây, sửa chợ. Năm Đồng Khánh thứ 2 (1887) tại kinh đô Huế, Nguyễn Đình Niên được Nghị chuẩn cho bỏ tiền ra xây lại chợ Đông Ba và được lãnh trưng thuế chợ này trong 6 năm, mỗi năm 1.200 quan tiền chia nộp hai kỳ mùa hạ và mùa đông⁸.

2. Chính sách về thuế chợ

Việc thu thuế chợ đã được quy định trong một số bộ luật Việt Nam thời quân chủ. Luật Hồng Đức ban hành năm 1481 có điều khoản về hoạt động thu thuế chợ. Điều 90, chương Vi Chế viết: “Những người coi chợ trong kinh thành sách nhiễu tiền lẻ chợ thì xử tội xuy đánh 50 roi, biếm một tư; lấy thuế chợ quá nặng biếm hai tư, mất chức coi chợ, bồi thường tiền gấp đôi trả cho dân; tiền phạt thưởng cho người cáo giác theo như lệ. Nếu lấy thuế chợ không đúng luật thì xử tội đánh 80 trượng và dẫn đi rêu rao trong chợ ba ngày. Người thu thuế chợ trong các lộ, các huyện, các làng quá nặng bị xử tội thêm một bậc”⁹. Như vậy, lệ đánh thuế chợ đã có từ triều Lê Sơ. Tuy nhiên, cụ thể về phương thức đánh thuế như thế nào, mức thuế là bao nhiêu và những chợ nào thuộc diện bị đánh thuế thì chưa được đề cập cụ thể, rõ ràng. Sang thế kỷ XVII, XVIII, thuế chợ ở Đàng Ngoài đã có những quy định rõ ràng hơn. Năm 1660, chính quyền chúa Trịnh đã ra lệnh “chợ ở các xứ thì có chợ đã có lệnh cấp cho viên nào được lấy tiền của người bán, trâu bò mỗi con là 10 đồng tiền quý, lợn mỗi con là 2 đồng tiền quý. Các món hàng khác thì cứ mỗi tiền lấy 1 đồng”¹⁰. Từ năm 1727, thuế chợ

5. *Hồng Đức thiện chính thư* (Nguyễn Sĩ Giác dịch), Nam Hà ấn quán, Sài Gòn, 1959, tr.145.

6. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr.484.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.100.

8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập3, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.62.

9. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Sdd, tr.51.

10. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, Quốc dụng chí*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.147.

ở Đàng Ngoài bị bãi bỏ, chỉ còn 7 chợ lớn ở Thăng Long có giết mổ trâu, bò bị đánh thuế, trong đó: chợ Cửa Đông, chợ Cửa Nam, chợ Huyện, chợ Đình Ngang và chợ Bà Đá chịu thuế đồng niên là 318 quan, 8 tiền, 300 tấm da trâu¹¹; chợ Văn Cũ thuế là 19 quan 2 tiền; chợ Ông Nước thuế là 46 quan 8 tiền¹².

Triều Nguyễn ở đầu thế kỷ XIX, trong các ngạch thuế được nhà nước quy định không có thuế chợ. Tuy nhiên, thuế chợ trên thực tế vẫn được nhà nước hoặc chính quyền địa phương cho thu ở một số chợ lớn ở Kinh thành hoặc những địa bàn quan trọng. Ở Hà Nội đầu thế kỷ XIX có 9 chợ trong khu vực nội thành với quy mô lớn, hoạt động sầm uất "lúc đầu có thể phải nộp một khoản thuế nào đó cho chính quyền địa phương, không được chính thức quy định"¹³. Thu thuế chợ ở Hà Nội được chứng minh qua lời tâu của Tổng đốc Đặng Văn Thiêm xin miễn thuế hàng quán, chợ búa cho 2 huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận được vua Minh Mạng chuẩn y năm 1836¹⁴. Cuối thế kỷ XIX, dưới thời vua Đồng Khánh và Thành Thái, thực dân Pháp đã áp đặt được chế độ đô hộ trên đất nước ta. Nhiều chính sách của triều Nguyễn đã có sự thay đổi dưới tác động của chính quyền thuộc địa. Trong số những thay đổi đó có việc thi hành thu thuế chợ ở tất cả các địa phương. Chính sách thuế chợ chính thức được thi hành từ năm 1887: "Năm ấy, lại một khoản trong Nghị chuẩn: ngạch thuế của nước ta từ trước đến nay chỉ trưng thu về đình điền cùng sản vật, còn bến đò, chợ phố thì chưa có thuế, vì cuộc sống của nhân dân nước ta vốn nghèo nàn chật vật, cho nên khoan giảm thuế má để có ích cho dân. Nay gặp lúc tài chính eo hẹp, nghĩ nên thực hiện khoản thu này mới có lợi ích. Xin sao ra sức khắp nơi cho Phủ doãn (cũng như Phủ thừa) cùng Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính ở các Trực tỉnh để tuân theo mà xét rõ trong hạt có bao nhiêu phố chợ tụ tập nổi tiếng, bao nhiêu bến đò tiện đường giao thông qua lại, phải xét hỏi nhiều thêm (đời sống kinh tế giàu hay nghèo, bao nhiêu đường sá giao thương, không cần phải tính số người) mới châm thước mà định ngạch

thuế cho thích ứng (như chợ nào đó, bến đò nào đó, hàng năm tiền thuế bao nhiêu)... Hạn trong một tháng, các hạt đều phải đem ngạch thuế đã nghị định cho các chợ phố và bến đò là bao nhiêu, lập bảng kê để tư cho bộ Hộ xem xét có nên giao cho xã dân địa phương lãnh trưng hay yết thị và sức cho đấu giá cho lãnh trưng"¹⁵.

Lệ đánh thuế chợ được ban hành năm 1887 có quy định khám xét các chợ lớn nhỏ trong các tỉnh, nếu chợ nào buôn bán đủ sầm uất thì sẽ lập biểu đánh thuế ngay, còn các chợ nhỏ chưa đủ sầm uất thì sẽ được tạm hoãn đến khi lượng người và hàng hóa trao đổi tại chợ đủ lớn thì sẽ đánh thuế. Trong lệ đánh thuế này có 2 hình thức thu thuế: hình thức thứ nhất có thể do chính quyền địa phương các xã, huyện, phủ, tỉnh trực tiếp thu thuế; hình thức thứ 2 có thể do tư nhân đấu thầu lãnh trưng thuế. Hàng năm những người lãnh trưng sẽ thu thuế và nộp lại cho chính quyền phân thuế theo quy định, số còn lại họ sẽ được hưởng.

Chính sách thuế chợ này khá nặng nề so với việc đánh thuế chợ trước đó. Từ năm 1727 đến những năm đầu thế kỷ XIX, việc thu thuế chợ chỉ thực hiện ở những chợ lớn, có hoạt động đặc biệt (giết mổ trâu bò). Năm 1727, chợ lớn nhất Thăng Long bị đánh thuế là chợ Cửa Đông hàng năm nộp 318 quan, 8 tiền và 300 tấm da trâu. Số thuế này không chỉ là thuế chợ, mà nó còn bao gồm cả thuế giết mổ trâu bò. Chợ Gia Hội theo quy định từ năm 1837 đến năm 1848 mỗi năm thu thuế 1.286 quan tiền. Từ năm 1887, thuế chợ đánh vào tất cả các chợ lớn nhỏ ở các địa phương (trừ một số chợ rất ít hoạt động) và biểu thuế chợ cũng lớn gấp nhiều lần thời kỳ trước đó. Năm 1889, theo tâu trình thì việc đấu thầu lãnh trưng

11. Mỗi tấm da trâu quy là 1 quan 5 tiền.

12. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđd, tr.151.

13. Nguyễn Thừa Hỷ, *Thăng Long, Hà Nội thế kỷ 17,18,19*, Hội sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1993, tr.302.

14. *Đại Nam thực lục*, tập 4, Sđd, tr.1073.

15. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 3, Sđd, tr.63-64.

thuế những chợ ở kinh thành Huế rất cao: chợ An Cựu hàng năm tiền thuế 6.000 quan, chợ An Vân tiền thuế 3.000 quan, chợ Bao Vinh thuế 1.500 quan. 26 chợ và bến đò khác ở phủ Thừa Thiên do chính quyền thu thuế đều có mức thuế cao từ 200 quan đến 600 quan¹⁶.

Như vậy, chính sách thuế chợ của triều Nguyễn có sự thay đổi lớn giữa 2 thời kỳ: thời kỳ trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta và thời kỳ Pháp hoàn thành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Đầu thế kỷ XIX thuế chợ chỉ được thu ở những chợ lớn thuộc các địa bàn quan trọng với mức thuế không quá cao, nhiều chợ huyện, chợ làng xã không bị đánh thuế. Từ năm 1887, các chợ từ lớn đến nhỏ trên cả nước đều bị rà soát rất kỹ để lập biểu thuế với mức đánh thuế cao gấp nhiều lần.

3. Chính sách quản lý giá cả hàng hóa và các hoạt động tại chợ

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa là hoạt động cơ bản nhất tại chợ. Để quản lý những hoạt động này, Nhà nước đã đặt ra những quy định rõ ràng, chặt chẽ nhằm kiểm soát người đi chợ, phòng chống đầu cơ, ép giá, gian lận trong buôn bán cũng như kiềm nén sự nhiễu loạn của quan lại, cường hào khi giao dịch tại chợ.

Quản lý giá cả hàng hóa là khâu quan trọng trong việc bình ổn thị trường trong nước. Nhận thấy điều này, triều đình nhà Nguyễn đã có những chính sách nhằm quản lý chặt chẽ giá cả các mặt hàng quan trọng như: vàng, bạc, kim loại, gạo, đường, vải, gỗ..., trong đó, gạo và bạc là 2 mặt hàng quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn đến giá trị các mặt hàng trong chợ.

Đối với một nước nông nghiệp như Việt Nam, thóc gạo là nguồn lương thực chính đảm bảo cho bữa ăn hàng ngày của nhân dân. Vì vậy, Nhà nước đặc biệt quan tâm đến giá gạo tại các địa phương. Ngay từ năm 1808, vua Gia Long đã đặt lệnh hàng tháng các quan dinh trấn phải tâu báo giá gạo về bộ Hộ. Năm 1825, vua Minh Mạng yêu cầu mỗi tháng phải tâu báo giá gạo tại chợ 2 lần vào trước ngày rằm và cuối tháng¹⁷. Để đảm bảo giá gạo

không bị biến động quá lớn, trong một số thời điểm triều đình cũng có chính sách phát lương bổng cho các quan lại bằng thóc. Khi giá gạo ở địa phương tăng cao, Nhà nước cũng có biện pháp xuất kho bán gạo cho người dân để điều chỉnh giá gạo nhất thời¹⁸.

Bạc là một phương tiện thanh toán trong mua bán, nhiều loại thuế dưới triều Nguyễn cũng được thu bằng cả bạc và tiền. Bởi vậy, triều đình có những chính sách quản lý giá bạc áp dụng giống như đối với gạo. Khi muốn hàng hóa lưu thông, tiêu dùng tiện lợi thì nhà vua cho phép dùng bạc để trả lương cho quan lại. Lúc giá bạc lên cao, Nhà nước lại cho phép hoán đổi việc nộp thuế bằng tiền thay cho bạc¹⁹.

Những quy định đối với các hoạt động mua bán tại chợ được thể hiện rõ trong nội dung của Điều 1, chương VII (Chợ búa), phần Hộ luật của luật Gia Long:

Quy định về giao dịch mua bán, phòng chống việc nắm giữ hàng hóa, đầu cơ tăng giá của người bán hàng: người nào găm nắm hàng hóa hoặc thông đồng làm "cò môi", gian dối sẽ bị xử phạt 80 trượng. Nếu trà trộn hàng của mình vào bán bên cạnh người khác, so bì giá cả để giành giật khách hàng nhưng hành vi chưa thực hiện được bị phạt 40 roi. Nếu hành vi trên đã được thực hiện kiếm lời bất chính thì sẽ căn cứ vào số lợi thu được mà xử phạt như tội trộm cắp bị đánh trượng hoặc thích chữ lên mặt²⁰.

Đối với quan hệ giữa người bán và người mua, luật quy định: đôi bên mua bán cần thỏa thuận tự nguyện, không được ép buộc nhau.

16. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 3, Sđd, tr.64-65.

17. Cục Lưu trữ Nhà nước - Đại học Huế - Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và giao lưu Văn hóa, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập II, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1998, tr.XIX.

18. Trương Thị Yến (2004), *Chính sách thương nghiệp của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX*, Luận án tiến sỹ (bảo vệ tại Viện Sử học), Hà Nội, tr.76 - 77.

19. Trương Thị Yến (2004), *Chính sách thương nghiệp của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX*, Tlđđ, tr.79 - 80.

20. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Sđd, tr.483.

Nếu cố tình “ép mua ép bán” hoặc người bán tự ý nâng giá ép người mua, hoặc người mua tự ý hạ giá ép người bán thì các trường hợp này cũng bị xử phạt 80 triệu²¹.

Về việc xử tội lừa gạt, ngăn chặn hàng hóa của người đi buôn: “Khách buôn các xứ tụ tập ở nơi đi, nếu như các người môi giới và bọn vô lại dùng sức mạnh mồi mọc ngăn chặn hàng hóa của khách, thì không cần phân biệt là có hay không lừa gạt bán hàng hóa, đều bị xử tội. Tất cả đều bị đóng gông một tháng, như có lừa gạt bán rẻ hàng hóa, thì bắt truy thu đủ cả toàn bộ. Nếu như truy thu lâu năm không bồi thường được, để liên lụy đến khách buôn bị chết, thì bắt sung quân đưa đến nơi gần”²².

Đối với sự sách nhiễu của quan lại, cường hào: luật quy định người nhà của quan viên lớn nhỏ đều không được bá chiếm bể đồ, chợ búa; cấm ý thế mà ức hiếp dân thương. Nếu để xảy ra tình trạng này mà bị phát giác thì hình phạt nặng nhất phải gánh chịu là bị trảm giam hậu. Quan lại lợi dụng việc cho nhân dân vay tiền mà ý thế bá chiếm bến đồ, chợ búa làm ảnh hưởng đến địa phương cũng bị trị tội. Việc người nhà lại viên, quan lại ý thế lạm thu lãi chợ, làm việc phi pháp ức hiếp dân lành và những người quản lý chợ cũng bị phạt cả chủ lẫn tớ. Nếu người được chủ sai đi sẽ bị “đóng gông 3 tháng, xử phạt 100 triệu”. Nếu là người tự đi thì bị xử theo tội côn đồ. Quan lại không quản giáo người nhà mình để xảy ra tình trạng trên cũng bị xử cách chức. Các sở nha môn, cơ quan nhà nước khi cử người ra chợ mua bán cũng phải tuân theo giá thị trường không được lợi dụng quyền uy để sách nhiễu nhân dân và trục lợi. Nếu sai phạm cũng bị phạt đánh trượng²³.

4. Chính sách thống nhất các đơn vị đo lường, tiền tệ

Tiền và các dụng cụ đo lường là những thước đo giá trị sản phẩm quan trọng, được sử dụng lưu thông trong hầu hết các hoạt động của đời sống kinh tế, xã hội. Trong các hoạt động buôn bán, trao đổi, lưu thông hàng hóa, những đồ dùng này không thể thiếu. Bởi vậy, trong chính sách của Nhà nước từ xưa đến

nay, việc thống nhất tiền tệ và các dụng cụ đo lường luôn là một trong những chính sách trọng tâm. Triều Nguyễn sau khi giành quyền quản lý đất nước cũng nhanh chóng đưa ra những chính sách quan trọng này.

Đối với tiền tệ: cuối thế kỷ XVIII, đất nước bị chia cắt với nhiều chính quyền cùng quản lý ở các vùng khác nhau, việc đúc tiền và lưu hành tiền cũng trở nên rối ren với nhiều loại tiền được lưu hành. Sau khi lên ngôi, Gia Long nghĩ ngay đến việc thống nhất tiền tệ, khẳng định quyền lực bằng việc độc quyền đúc tiền và quản lý tiền tệ. Năm 1803, Gia Long đã cho xây dựng xưởng đúc tiền lớn ở Thăng Long gọi là Cục Bảo tuyền. Cục Bảo tuyền được duy trì và mở rộng liên tục dưới các triều vua tiếp theo từ Minh Mạng đến Tự Đức. Xưởng đúc tiền của nhà Nguyễn được đặt ở Bắc Thành, Nhà nước giao cho Tổng trấn Bắc Thành kiêm lĩnh, sau cải cách hành chính của Minh Mạng (1831 – 1832), việc quản lý Cục Bảo tuyền được giao cho Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội - Ninh Bình) quản lý. Trong suốt 4 đời vua đầu nhà Nguyễn, triều đình đã cho đúc nhiều loại tiền bằng đồng hoặc bằng kẽm với trọng lượng, kích cỡ và giá trị khác nhau. Để đảm bảo các loại tiền được sử dụng lưu thông trên thị trường quốc nội đều là tiền do triều đình nhà Nguyễn cho đúc thì các vị vua cũng lần lượt ra ra những sắc lệnh cấm sử dụng các loại tiền khác. Năm 1816, Gia Long ra lệnh cho tiêu hủy tiền Tây Sơn. Sau đó, các loại tiền như tiền Đạo Quang (của nhà Thanh), tiền giả, tiền do tư nhân tự ý đúc, tiền do nhà Thanh mang đến cũng đều bị cấm. Cùng với việc đúc tiền mới, dưới thời Gia Long và Minh Mạng, Nhà nước cho phép đúc những nén vàng, nén bạc (được gọi là tiền thoi) đưa vào lưu thông.

Để đảm bảo giá trị đồng tiền khi lưu thông trên thị trường, nhà Nguyễn có những lệnh

21. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Sdd, tr.483-484.

22. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Sdd, tr.484.

23. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Sdd, tr.484-485.

cấm và xử tội nghiêm ngặt đối với những kẻ tư nhân tự ý đúc tiền hoặc làm tiền giả. Từ đầu thời Gia Long, Nhà nước đã ban hành đạo luật cấm đúc trộm tiền. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840) có “Thánh dụ” về việc xử tội những kẻ hủ hoại đồng sao, tiền đồng, tiền kẽm. Năm 1861, Tự Đức phê chuẩn tội của kẻ lén đúc tiền “lập tức xử trảm để cho mọi người thấy thế làm răn”²⁴. Năm 1864, triều đình lại tiếp tục ra chỉ dụ cho các địa phương trị tội nặng những kẻ lén đúc tiền. Tính nghiêm minh và sức mạnh của luật pháp triều Nguyễn được thể hiện qua vụ án Lý Thành Long: năm 1884, Lý Thành Long là một gian thương đã dùng “tiền lạ” giấu trong các thùng chứa phen trắng, phen xanh để trà trộn vào giao thương để trục lợi. Việc làm bị phát giác, Lý Thành Long ngay lập tức bị xử trảm²⁵.

Các đơn vị đo lường cũng được nhà Nguyễn cho thống nhất. Đây là công việc quan trọng bởi các dụng cụ đo lường là thước đo giá trị của các sản phẩm cốt yếu như thóc gạo, hàng hóa. Thống nhất đơn vị, dụng cụ đo lường cũng là cơ sở để Nhà nước thu thuế, tính toán lương bổng cho quan lại, binh lính... Bởi vậy, ngay từ tháng 7-1802, vua Gia Long đã “sai bộ Hộ chế các kiểu phương, bát mới dùng vào việc chi thu lương thực”²⁶. Đến năm 1804, Gia Long “có Sắc chỉ rằng thống nhất cân, dong là việc cốt yếu của chính trị. Các thứ cân, thước, hộc, phương, thưng, đấu nên theo phép nhà nước làm ra để thống nhất”²⁷. Sau những chỉ dụ của nhà vua, bộ Hộ đã cho tiến hành làm lại các dụng cụ đo lường để cấp phát cho các địa phương sử dụng thống nhất trong cả nước.

Đối với thước đo, nhà Nguyễn cho chế tạo 2 loại thước là thước đo đất và thước đo vải. Đối với thước đo đất, tháng 8 năm Canh Ngọ, Gia Long thứ 9 (1810): “ban thước kinh đo ruộng cho trong ngoài. Thước kinh do triều Lê cũ chế ra ban hành đã lâu, dân gian vẫn thường dùng. Năm Gia Long thứ 5 mới dùng thước trung bình, chế hơi dài hơn, bởi thế đo ruộng mẫu số sai nhau nhiều. Vua sai hỏi tìm được thước kinh cũ. Lấy được ở dân xã Cổ Linh huyện Gia Lâm, bèn theo cách thức ấy lấy đồng (nặng 1 cân 12 lạng) mà làm ban cho các

thành dinh trấn. Những ruộng đất công tư từ trước đã dùng thước trung bình mà khám đạc, thì làm sổ để đo mà theo. Từ nay nếu có việc tranh địa giới hay tố cáo ẩn lậu và báo xin khai khẩn thì dùng thước kinh để đo”²⁸. Cây thước đo đất này được triều Nguyễn áp dụng thống nhất trên cả nước đến năm 1867 khi thực dân Pháp chiếm được Nam Kỳ thì nó chỉ được áp dụng ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Đối với thước đo vải, năm Minh Mạng thứ 7 (1826), triều đình cho ban định: “các hạng thước thì cho theo mẫu chế tạo ra thước đồng thợ may và thước đồng thợ mộc, ban cấp cho các nha môn và các địa phương, mỗi nơi mỗi thứ một cái để tiện thi hành”²⁹. Từ đây, thước đo vải cũng được sử dụng theo mẫu chung thống nhất trên cả nước.

Ngoài 2 loại thước trên được triều đình cho làm thống nhất, trong dân gian còn có loại thước mộc là những loại thước sử dụng trong những công việc chuyên ngành như thước của thợ xây, thước tín ngưỡng (thước Lỗ Ban), những thước này không thể hiện giá trị của những thứ được đo đạc theo quy định của Nhà nước, mà chỉ có giá trị tinh thần trong dân gian.

Về dụng cụ đo trọng lượng, năm Gia Long thứ 12 (1813), triều đình cho chế tạo cân Mã Tải³⁰ gồm 2 loại: cân thiên bình và cân trung bình. Cân trung bình dùng để cân vàng bạc, cân thiên bình để cân các loại kim loại khác³¹. Sau này các loại cân trên đã được cải tiến thêm để cân các loại hàng hóa khác.

24. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 3, Sdd, tr.74.

25. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 8, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009, tr.186-187.

26. *Đại Nam thực lục*, tập 1, Sdd, tr.508.

27. Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.386.

28. *Đại Nam thực lục*, tập 1, Sdd, tr.793.

29. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Sdd, tr.387.

30. Cân Mã Tải là cân có 2 đĩa để 2 bên: một bên đặt hàng hóa và một bên đặt các hạng quả cân theo từng lạng

31. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Sdd, tr.387.

Đối với các loại dụng cụ như học, phương, thưng, đấu, triều đình đã dần cho thống nhất trên cả nước. Năm 1828, triều đình cho bộ Hộ làm một loạt học, phương, thưng, đấu để phát cho các địa phương sử dụng thống nhất³².

Để đảm bảo sự thống nhất trong việc sử dụng các dụng cụ đo lường theo quy định của Nhà nước, triều Nguyễn đã có những điều luật xét xử nghiêm minh những kẻ tự ý chế tạo các dụng cụ này không theo quy định. Trong luật Gia Long quy định: “Phạm tự ý chế tạo riêng các loại học, đấu, cân thước không thăng bằng sử dụng ở chợ búa làm tăng giảm, rối loạn các loại học, đấu, cân, thước của nhà nước thì xử phạt 60 trượng. Công tượng cũng bị tội như thế. Nếu như vật mẫu của nhà nước không đúng pháp độ thì (quan lại và công tượng) bị xử phạt 70 trượng. Quan đề điều lo là không so sánh, đối chiếu thì được giảm một mức (so với tội của quan lại và công tượng). Nếu biết rõ sự tình thì cũng bị phạt như thế”³³.

5. Kết luận

Khi nắm quyền cai quản đất nước ở thế kỷ XIX, triều Nguyễn đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích lưu thông hàng hóa trong nước thông qua việc phát triển mạng lưới chợ. Trong bối cảnh lịch sử thế giới và khu vực có nhiều biến động, triều Nguyễn đã sai lầm khi chủ trương hạn chế ngoại thương như một biện pháp tránh sự nhòm ngó và ý đồ xâm lược của các nước thực dân phương Tây. Việc hạn chế ngoại thương đã kéo theo sự sụt giảm lượng hàng hóa bán ra nước ngoài. Vì vậy, chính sách phát triển mạng lưới chợ cũng góp phần kích thích lưu thông hàng hóa trong nước, bình ổn thị trường khi hàng xuất khẩu bị hạn chế.

Quản lý giá cả, thống nhất các đơn vị đo lường, tiền tệ là một trong những chính sách tích cực của triều Nguyễn. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu như gạo, bạc... được theo dõi sát sao. Trong trường hợp hàng hóa bị ghim giữ giá hoặc các thương nhân cố tình đẩy giá lên cao, triều đình cũng có biện pháp bình ổn tạm thời bằng cách ra các chỉ thị thu mua hay mở kho Nhà nước để bán hàng cho người dân

đi chợ, góp phần đưa hàng hóa về đúng giá trị thật. Thống nhất các đơn vị đo lường, tiền tệ là một trong những cố gắng của triều đình nhà Nguyễn tạo thuận lợi cho các hoạt động mua bán tại chợ cũng như các hoạt động khác.

Việc xử phạt nghiêm ngặt đối với các gian thương hay những đối tượng gây nhiễu loạn tại chợ cho thấy sự quan tâm của triều đình đối với lưu thông hàng hóa trong nước. Những quy định này được đưa vào pháp luật thành văn đảm bảo tính răn đe những đối tượng khác.

Bên cạnh một số chính sách mang tính tích cực thì chính sách quản lý chợ của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX cũng bộc lộ nhiều hạn chế: việc thu thuế chợ quá cao ở cuối thế kỷ XIX có ảnh hưởng lớn đến người mua, bán tại chợ. Chính sách của vua Đồng Khánh cho tăng thuế chợ để bù đắp cho khoản thiếu hụt quốc khố cho thấy hành động tận thu của triều đình.

Nhiều chính sách được triều đình đưa ra nhưng việc thi hành thiếu triệt để nên chưa phát huy được hiệu quả. Thực tế các đơn vị đo lường được triều đình quy định thống nhất, nhưng nó chỉ áp dụng được tại những chợ lớn. Ở các chợ làng việc cân đo, đóng đếm khi mua bán hàng còn dựa vào trực quan mà ít sử dụng các loại dụng cụ trên. Những biện pháp bình ổn tạm thời thị trường thóc gạo và một số hàng hóa khác chỉ mang tính nhất thời mà chưa có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Việc trả lương cho quan lại bằng thóc gạo để hạn chế sự tăng giảm giá gạo bất thường cũng chứng tỏ sự bế tắc, lúng túng trong quản lý của triều đình nhà Nguyễn./.

32. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Sđd, tr.391-392.

33. *Cổ luật Việt Nam-Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Sđd, tr.485.

Ngày nhận bài: 7-9-2018

Ngày duyệt đăng: 8-10-2018